

Điểm chuẩn Đại học Thương mại cao nhất 27,8

15:35 22/08/2025

Trường Đại học Thương mại vừa công bố điểm chuẩn trúng tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025.

Trong đó, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là ngành có điểm chuẩn cao nhất, đạt 27,8/30. Nhiều ngành “hot” khác như Marketing số, Thương mại điện tử, Ngôn ngữ Trung Quốc cũng ghi nhận điểm chuẩn trên 27 điểm.

Ở chiều ngược lại, Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại) có điểm chuẩn thấp nhất trường, 22,5 điểm. Phần lớn các ngành còn lại dao động trong khoảng 25 – 26 điểm, tương đương năm 2024.

Điểm chuẩn Đại học Thương mại năm 2025 ở tất cả ngành và phương thức như sau:

Mã XT	Tên ngành (CTĐT)	ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025					
		PT100	PT402a	PT402b	PT409	PT410	PT500
I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN							
TM01	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	25,8	105,333	73,8	25,8		25,8
TM03	Quản trị kinh doanh (Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh)	25,1	100,667	69,6	25,1		25,1
TM04	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	25,4	102,667	71,4	25,4		25,4
TM06	Quản trị khách sạn (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	24,8	99,12	68,12	24,8		24,8
TM07	Marketing (Marketing thương mại)	27,3	115,333	83,867	27,3		27,3
TM09	Marketing (Marketing số)	27,5	116,667	85,333	27,5		27,5
TM10	Marketing (Quản trị thương hiệu)	26,8	112	80,2	26,8		26,8
TM12	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	25,8	105,333	73,8	25,8		25,8
TM14	Kế toán (Kế toán công)	24,8	99,12	68,12	24,8		24,8
TM15	Kiểm toán (Kiểm toán)	25,7	104,667	73,2	25,7		25,7
TM17	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	27,8	118,667	87,533	27,8		27,8
TM19	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	26,8	112	80,2	26,8		26,8
TM21	Kinh tế quốc tế (Kinh tế quốc tế)	26,6	110,667	78,733	26,6		26,6
TM22	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	25,1	100,667	69,6	25,1		25,1
TM24	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)	26,1	107,333	75,6	26,1		26,1
TM26	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)	25,2	101,333	70,2	25,2		25,2
TM27	Tài chính - Ngân hàng (Công nghệ Tài chính ngân hàng)	25,0	100	69	25		25
TM28	Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	27,6	117,333	86,067	27,6		27,6
TM30	Thương mại điện tử (Kinh doanh số)	27,2	114,667	83,133	27,2		27,2
TM31	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị hệ thống thông tin)	24,8	99,12	68,12	24,8		24,8
TM33	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	26,1			26,1		26,1
TM34	Luật kinh tế (Luật kinh tế)	25,4			25,4		25,4
TM36	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)	25,1			25,1		25,1
TM37	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	25,6	104	72,6	25,6		25,6

Mã XT	Tên ngành (CTĐT)	ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025					
		PT100	PT402a	PT402b	PT409	PT410	PT500
I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN							
TM39	Kinh tế số (Phân tích kinh doanh trong môi trường số)	25,1	100,667	69,6	25,1		25,1
TM40	Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	27,4			27,4		27,4
TM42	Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)	22,5	89	58	22,5		22,5
II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN SÂU NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ IPOP							
TM02	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	25,4	102,667	71,4	25,4	28,9	25,4
TM05	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	25,1	100,667	69,6	25,1	28,6	25,1
TM08	Marketing (Marketing thương mại)	26,3	108,667	76,8	26,3	29,8	26,3
TM11	Marketing (Quản trị thương hiệu)	26,1	107,333	75,6	26,1	29,6	26,1
TM13	Kế toán (Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB)	24,0	95,6	64,6	24	27,1	24
TM16	Kiểm toán (Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB)	24,0	95,6	64,6	24	27,1	24
TM18	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và xuất nhập khẩu)	26,6	110,667	78,733	26,6		26,6
TM20	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	26,3	108,667	76,8	26,3	29,8	26,3
TM23	Kinh tế (Kinh tế và quản lý đầu tư)	24,7	98,68	67,68	24,7	28,08	24,7
TM25	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)	25,4	102,667	71,4	25,4	28,9	25,4
TM29	Thương mại điện tử (Thương mại điện tử)	26,5	110	78	26,5	30	26,5
TM32	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị hệ thống thông tin)	24,2	96,48	65,48	24,2	27,38	24,2
TM35	Luật kinh tế (Luật kinh doanh)	24,7			24,7	28,08	24,7
TM38	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	24,8	99,12	68,12	24,8	28,22	24,8
TM41	Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	26,8			26,8		26,8
III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG BẰNG QUỐC TẾ							
TM43	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh) – Khởi nghiệp (Thành lập doanh nghiệp)	22,5	89	58	22,5	25	22,5
TM44	Marketing (Marketing thương mại) – Thương mại sản phẩm và dịch vụ (Bán hàng)	24,8	99,12	68,12	24,8	28,22	24,8
IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN TIẾN							
TM45	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	25,0			25,0	28,5	

Trường năm nay tuyển 5.600 sinh viên cho 45 ngành và chương trình. Năm phương thức tuyển sinh, gồm: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển; dùng điểm thi tốt nghiệp THPT 2025; xét kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy; xét kết hợp điểm thi tốt nghiệp, điểm học bạ với chứng chỉ quốc tế; xét kết hợp điểm thi tốt nghiệp và giải học sinh giỏi cấp tỉnh.

Học phí năm học 2025-2026 của trường Đại học Thương mại từ 24 đến gần 28 triệu đồng với chương trình chuẩn, 38,5 triệu đồng với chương trình IPOP. Các chương trình tiên tiến, song bằng quốc tế, trường thu học phí 180-260 triệu đồng toàn khóa.

Minh Minh